

Số: 53 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá ngày 26/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5407/TTr-STC ngày 23/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 5 như sau:

“1. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện đăng ký giá bán lẻ.”.

2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

Tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 5 Quy định này.

Đối với tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh) sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.”.

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá quy định tại Khoản 2 Điều này được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận đăng ký giá quy định tại Khoản 1 Điều này”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thẩm quyền và trách nhiệm định giá

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

1. Giá các loại đất.

2. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước.

3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

4. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

5. Giá nước sạch sinh hoạt; nước sạch dùng cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, đoàn thể, dùng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nước ngầm (nước thô).

6. Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ ngân sách địa phương.

7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

8. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

9. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh, huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

10. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

11. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan tham mưu thuộc UBND tỉnh trong việc định giá của Nhà nước

1. Sở Tài chính lập phương án giá trình UBND tỉnh quyết định sau khi thống nhất với các sở, ban, ngành có liên quan đối với quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành xây dựng phương án giá trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, cụ thể như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Xây dựng phương án giá đối với quy định tại Khoản 1, Điều 10 Quy định này.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xây dựng phương án giá đối với quy định tại Khoản 3, Điều 10 Quy định này.

c) Sở Xây dựng: Xây dựng phương án giá đối với quy định tại Khoản 4, Điều 10 Quy định này.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng phương án giá đối với quy định tại Khoản 8, Điều 10 Quy định này.

đ) Sở Y tế: Xây dựng phương án giá đối với quy định tại Khoản 9, Điều 10 Quy định này.

e) Sở Giao thông Vận tải: Xây dựng phương án giá đối với quy định tại Khoản 10, Điều 10 Quy định này.

3. Sở Tài chính thẩm định bằng văn bản phương án giá theo đề nghị của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ sau khi có ý kiến của sở chuyên ngành, các đơn vị có liên quan để các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trình UBND tỉnh quyết định đối với giá các hàng hóa, dịch vụ quy định tại các khoản 5, 6, 7, 11 Điều 10 Quy định này”.

6. Sửa đổi Khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Căn cứ kết quả kiểm tra, Sở Tài chính xử lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.”.

7. Sửa đổi Khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Đối tượng thực hiện kê khai giá

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thuộc các trường hợp quy định tại Điều 22 Quy định này.

Đối với tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh) sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.”.

8. Sửa đổi Khoản 7 Phụ lục II như sau:

“7. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và thay thế Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các nội dung khác tại Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý Giá;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Sở Tư Pháp;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Minh Phúc